

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29/09/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Dung và bà Lê Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Trà – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Tuấn– Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 24/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST – HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H - Sinh ngày: 01/10/1993;

Số CCCD: 038193xxxxxx

Nơi ĐKKHKT: Khu phố T, xã V, tỉnh T.

Nơi ở hiện nay: Thôn X, xã T, tỉnh T.

Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T - Sinh ngày 18/10/1987;

Số CCCD: 038087xxxxxx

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Khu phố T, xã V, tỉnh T.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2025, bản tự khai ngày 15/8/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Xuân T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT (nay là xã V), tỉnh T vào ngày 08/9/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hoà thuận, hạnh phúc đến

tháng 6/2024 thì phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ giữa tháng 6/2024 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân nhau, chị H và con về nhà bố mẹ đẻ chị H để ở. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là: Nguyễn Thảo Q (Giới tính: Nữ) – sinh ngày 08/7/2018 và Nguyễn Nhật M (Giới tính: Nam) – sinh ngày 04/5/2024. Hiện nay các con phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau, cả hai con đều ở với chị H, do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không thăm nom, hỏi han, không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Vì vậy, khi ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và đề nghị anh T phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi người con là 2.000.000 đồng/tháng, hai con là 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Xuân T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo nên Tòa án không thu thập được nguyện vọng của anh Nguyễn Xuân T.

Tại Biên bản xác minh ngày 15/8/2025, chính quyền địa phương xã V, tỉnh Thanh Hóa nơi chị H, anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú cho biết: Chị Lê Thị H, sinh năm 1993 và anh Nguyễn Xuân T sinh năm 1987 đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố T, xã V, tỉnh Thanh Hóa; có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT, huyện V (nay là xã V), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 08/9/2017. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh T sinh sống cùng với anh T và bố, mẹ chồng. Đến khoảng giữa năm 2024 chị H mang theo 02 con về nhà bố mẹ đẻ ở xã T, tỉnh Thanh Hoá ở và từ đó vợ chồng sống ly thân. Chính quyền địa phương không nắm được nguyên nhân vợ chồng chị H, anh T mâu thuẫn là gì, chỉ biết từ khoảng giữa năm 2024 đến nay chị H và 02 con không chung sống tại khu phố T cùng với anh T nữa. Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Xuân T có 02 con chung tên là: Nguyễn Thảo Q (Giới tính: Nữ), sinh ngày 08/7/2018 và Nguyễn Nhật M (giới tính: Nam), sinh ngày 04/5/2024. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay, hai cháu ở cùng với chị H tại xã T. Hiện nay cháu Q đang học lớp 2 trường tiểu học VT, ngôi trường này đóng trên địa bàn xã V. Anh T có qua lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con hay không chính quyền địa phương không nắm được. Về điều kiện kinh tế: Trước đây khi còn sinh sống tại xã V, chị H làm công nhân tại công ty may, công việc và thu nhập ổn định nhưng mức thu nhập cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm được. Hiện nay chị H không sinh sống tại khu phố T, xã V nữa nên chính quyền địa phương không biết

hiện nay chị H làm gì, thu nhập như thế nào. Anh Nguyễn Xuân T hiện nay đang sinh sống tại khu phố T, xã V. Anh T làm nghề tự do, công việc và thu nhập cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm được. Anh T, chị Hòa không có nhà đất tại xã V. Quá trình sinh sống tại khu phố T, vợ chồng anh T, chị Hòa và các con ở cùng với bố, mẹ đẻ của anh T tại nhà của bố mẹ anh T là ông Nguyễn Xuân T1, bà Đặng Thị L. Mức thu nhập bình quân tính theo đầu người trên địa bàn khu phố T, xã V, tỉnh Thanh Hóa hiện nay trung bình khoảng 200.000 đồng/người/ngày. Về đạo đức, lối sống: Quá trình sinh sống tại địa phương xã V chị Hòa và anh T có đạo đức tốt, chấp hành tốt các quy định của nơi cư trú, không vi phạm pháp luật.

Tại Biên bản xác minh ngày 15/8/2025, chính quyền địa phương xã T, tỉnh Thanh Hóa nơi chị H đang sinh sống cho biết: Chị Lê Thị H, sinh năm 1993 (quê quán: thôn X, xã T) và anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1987 (quê quán: xã V) đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố T, xã V, tỉnh Thanh Hóa; có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT, huyện V (nay là xã V), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 08/9/2017. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh T sinh sống cùng với anh T và bố, mẹ chồng. Đến khoảng giữa năm 2024 chị H mang theo 02 con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn X, xã T, tỉnh Thanh Hóa ở từ đó cho đến nay. Chính quyền địa phương không nắm được nguyên nhân vợ chồng chị H, anh T mâu thuẫn là gì, chỉ biết từ khoảng giữa năm 2024 đến nay chị H và 02 con sinh sống tại nhà ông Lê Văn V, bà Triệu Thị B tại thôn X. Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Xuân T có 02 con chung tên là: Nguyễn Thảo Q (Giới tính: Nữ), sinh ngày 08/7/2018 và Nguyễn Nhật M (giới tính: Nam), sinh ngày 04/5/2024. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay, cả hai cháu ở cùng với chị H tại thôn X, xã T. Hiện nay cháu Q đang học lớp 2 trường tiểu học VT, ngôi trường này đóng trên địa bàn xã V. Anh T không qua lại thăm non, chăm sóc con, anh T có đóng góp tiền nuôi dưỡng con hay không chính quyền địa phương không nắm được. Về điều kiện kinh tế: Chị Lê Thị H hiện nay đang làm công nhân tại công ty may đóng trên địa bàn xã T, công việc và thu nhập ổn định nhưng mức thu nhập cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm được. Anh Nguyễn Xuân T không có hộ khẩu thường trú, không cư trú, sinh sống tại xã T nên chính quyền địa phương không biết anh T làm nghề gì, mức thu nhập bao nhiêu. Anh T, chị H không có nhà đất tại xã T. Quá trình sinh sống tại thôn X, chị Hòa và các con ở cùng với bố, mẹ đẻ của chị Hòa là ông V, bà B tại nhà của ông, bà. Ông V, bà B hiện nay đang còn khỏe mạnh, có nhà cửa rộng rãi, kinh tế khá nên đã giúp đỡ mẹ con chị H rất nhiều cả về kinh tế, tinh thần và trông non con cái cho chị Hòa đi làm. Hiện nay chỉ có ông V, bà B và 03 mẹ con chị H sinh sống với nhau. Về đạo đức, lối sống: Quá trình sinh sống tại địa phương xã T, ông V, bà B và chị H có đạo đức tốt, chấp hành tốt các quy định của nơi cư trú, không vi phạm pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị H cung cấp 03 bảng lương để chứng minh thu nhập bình quân của chị H gần 10.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa chị Lê Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn anh Nguyễn Xuân T và nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, chị H thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng, chị yêu cầu anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng

tiền nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho cả 02 con, mỗi người con là 1.500.000đồng/tháng cho đến khi con thành niên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thanh Hoá phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H, xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

Giao con chung là Nguyễn Thảo Q (Giới tính: Nữ) – sinh ngày 08/7/2018 và Nguyễn Nhật M (Giới tính: Nam) – sinh ngày 04/5/2024 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh T có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi người con là 1.500.000 đồng/tháng, hai con là 3.000.000 đồng/tháng.

- Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn, anh Nguyễn Xuân T phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị H có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Nguyễn Xuân T có hộ khẩu thường trú tại khu phố T, xã V, tỉnh Thanh Hoá. Căn cứ khoản 1 điều 28, điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

Anh Nguyễn Xuân T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Các thủ tục đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự chứng tỏ anh Nguyễn Xuân T cố tình trốn tránh nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện V (nay là xã V), tỉnh

Thanh Hóa vào ngày 08/9/2017. Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Xuân T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ tháng 6/2024, chị H đưa các con về nhà bố mẹ đẻ để ở, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị Lê Thị H xét thấy đến nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn anh T. Quá trình giải quyết vụ án anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm cũng như tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện anh T không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Xuân T đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Xuân T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Xuân T có 02 con chung tên là Nguyễn Thảo Q (Giới tính: Nữ) – sinh ngày 08/7/2018 và Nguyễn Nhật M (Giới tính: Nam) – sinh ngày 04/5/2024. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay, cháu Q và cháu M ở cùng với chị H tại nhà bố mẹ đẻ chị H. Khi ly hôn chị H có yêu cầu và theo nguyện vọng của con là giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Nguyễn Thảo Q và Nguyễn Nhật M. Chị H yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi người con là 1.500.000 đồng/tháng, cả hai con là 3.000.000 đồng/tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án không thu thập được nguyện vọng của anh T. Tuy nhiên xét điều kiện, hoàn cảnh để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và phát triển cho các con, thấy rằng: Chị H có công ăn việc làm, có thu nhập ổn định, được ông bà ngoại giúp đỡ chăm sóc các con, nhà cửa rộng rãi, đảm bảo cuộc sống sinh hoạt của 03 mẹ con. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cả 02 con ở cùng với chị H, do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cuộc sống sinh hoạt và học tập của các con ổn định. Các con phát triển tốt về thể chất cũng như tinh thần. Cháu Q có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu M còn rất nhỏ (dưới 36 tháng) rất cần sự quan tâm, chăm sóc gần gũi của mẹ. Nguyện vọng của chị H và cháu Q là hoàn toàn chính đáng. Để không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt, không gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của các con về mọi mặt và đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho các con. Do đó, giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con là Nguyễn Thảo Q và cháu Nguyễn Nhật M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình..

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H: Tuy không xác định được công việc và thu nhập của anh T, nhưng trách nhiệm nuôi con là nghĩa vụ của cha, mẹ nên

anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con khi không trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và cháu M. Việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H là phù hợp với nhu cầu ăn mặc, nuôi dưỡng, học hành, sinh hoạt của các con hiện tại và sau này. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương xã V cũng xác nhận mức thu nhập bình quân đầu người của địa phương khoảng 200.000 đồng/ngày/người. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị H, buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho cả hai con, mỗi người con là 1.500.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng tiền nuôi con chung tính từ tháng 9/2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điều 82, điều 107, điều 110, điều 116 và điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Nguyễn Xuân T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở và anh có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại điều 82, điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Xuân T phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

2. Về con chung:

2.1. Giao cả hai con là Nguyễn Thảo Q – sinh ngày 08/7/2018 (Giới tính: Nữ) và Nguyễn Nhật M – sinh ngày 04/5/2024 (Giới tính: Nam) cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh Nguyễn Xuân T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho cả hai con, mỗi người con là 1.500.000 đồng /tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Thời điểm cấp dưỡng tiền nuôi con chung tính từ tháng 9 năm 2025. Phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng anh T phải nộp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

2.3. Anh Nguyễn Xuân T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở anh thực hiện quyền này và anh T có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001489 ngày 31/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị H đã nộp đủ tiền án phí. Anh Nguyễn Xuân T phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Chị Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Xuân T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND khu vực 7 – Thanh Hoá;
- UBND xã V;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang